

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của HĐND TP về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn TPHCM năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 5307/SGDĐT-KHTC ngày 26/8/2024 của Sở Giáo dục về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2024-2025 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Thông qua cuộc họp ngày 8/9/2024 giữa Hiệu trưởng và CMHS các lớp đã thống nhất nội dung các khoản thu như sau:

A. Quy định về các khoản thu

I. Thu học phí:

- Quy mô: Tổ chức giảng dạy cho 3 khối 10, 11, 12
- Mức thu học phí: $100.000 \text{ đ/ tháng} \times 9 \text{ tháng} = 900.000 \text{ đ/ năm}$

II. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục khác

2.1. Tổ chức 2 buổi / ngày:

- Quy mô: Tổ chức giảng dạy cho 3 khối 10, 11, 12
- Mức thu học phí: + Khối 10 & 11: $280.000 \text{ đ/ tháng} \times 9 \text{ tháng} = 2.520.000 \text{ đ/ năm}$
+ Khối 12: $300.000 \text{ đ/ tháng} \times 9 \text{ tháng} = 2.700.000 \text{ đ/ năm}$

2.2. Tổ chức dạy học môn Tin học - Mos:

- Quy mô: Tổ chức giảng dạy cho khối 10, 11 có nhu cầu
- Mức thu học phí: $100.000 \text{ đ/ tháng} \times 8 \text{ tháng} = 800.000 \text{ đ/ năm}$ (Chưa bao gồm lệ phí thi)

2.3. Tổ chức dạy kỹ năng sống

- Quy mô: Tổ chức giảng dạy cho khối 10, 11 có nhu cầu
- Mức thu học phí: $50.000 \text{ đ/ tháng} \times 8 \text{ tháng} = 400.000 \text{ đ/ năm}$

2.4. Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài

- Quy mô: Tổ chức giảng dạy cho 2 khối 10, 11 có nhu cầu
- Mức thu học phí: $200.000 \text{ đ/ tháng} \times 8 \text{ tháng} = 1.600.000 \text{ đ/ năm}$

2.5. Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý bán trú

- Quy mô: Tổ chức cho các học sinh có nhu cầu nghỉ trưa
- Mức thu dịch vụ: + Khối 10, 11: $230.000 \text{ đ/ tháng} \times 8 \text{ tháng} = 1.840.000 \text{ đ/ năm}$
+ Khối 12: $230.000 \text{ đ/ tháng} \times 9 \text{ tháng} = 2.070.000 \text{ đ/ năm}$

III. Các khoản thu cá nhân học sinh

- 3.1. Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú: 200.000 đ/ năm
- 3.2. Học phẩm: 50.000 đ / năm
- 3.3. Tiền nước uống: 100.000 đ/ năm
- 3.4. Tiền dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu: 25.510 đ/ năm
- 3.5. Tiền dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học chưa có máy lạnh, phải đi thuê: 75.000 đ/tháng
- 3.6. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và CDS - Lệ phí số liên lạc điện tử: 160.000 đ/ năm
- 3.7. Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và CDS - K12 online: 100.000 đ/ năm
- 3.8. Bảo hiểm tai nạn: + Khối 11 & 12: 50.000 đ/ năm
+ Khối 10: 60.000 đ/ năm
- 3.9. Bảo hiểm y tế: + Khối 10, 11: 884.520 đ (12 tháng)
+ Khối 12: 663.390 đ (9 tháng)

B. Quy định về thời gian đóng

- Đóng theo tháng (mỗi tháng đóng trước 10 tây)
- Phụ huynh có thể đóng theo học kỳ hoặc cả năm (không bắt buộc)
- Phương thức đóng: Chuyển khoản qua APP trên điện thoại thông minh hoặc tại ngân hàng Agribank, Sacombank, MB , Viettet Pay, Momo, VNPT Lay... (Thực hiện theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT về việc thanh toán không dùng tiền mặt).

Nếu có khó khăn trong việc chuyển khoản quý phụ huynh vui lòng liên hệ 0908.716.704 (cô Thảo) để được hỗ trợ.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thiện Đạo

